TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Quốc và bà Dương Triết Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1962 (có mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm 1958 (vắng mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Cao Thị Đ trình bày:

Bà và ông Lê Văn G do mai mối rồi chung sống với nhau từ năm 1982, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký hết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 25/3/1987 và Lê Tấn L, sinh ngày 11/4/1984. Tuy nhiên sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà Cao Thị Đ yêu cầu được ly hôn ông Lê Văn G;

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 25/3/1987 và Lê Tấn L, sinh ngày 11/4/1984 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Lê Văn G để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lê Văn G vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Lê Văn G cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho ông Lê Văn G biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông Lê Văn G cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Cao Thị Đ trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn G; về con chung: có hai con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 25/3/1987 và Lê Tấn L, sinh ngày 11/4/1984 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn G vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, bà Cao Thị Đ có mặt, ông Lê Văn G vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Đ.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Cao Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn G.

Về con chung: Ghi nhận bà Cao Thị Đ và ông Lê Văn G có hai con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 25/3/1987 và Lê Tấn L, sinh ngày 11/4/1984 đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Cao Thị Đ và ông Lê Văn G chung sống với nhau từ năm 1982, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký hết hôn. Ông Lê Văn G có địa chỉ thường trú tại: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Cao Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Văn G nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"*.

[2] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà Cao Thị Đ có mặt, ông Lê Văn G vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Xét việc tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001, thì:

"...a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;...

...1. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung...."

Mặc dù bà Cao Thị Đ và ông Lê Văn G không đăng ký kết hôn tuy nhiên theo trình bày của bà Đ và tại Biên bản xác minh ngày 26/10/2023 ghi nhận hôn nhân của ông G và bà Đ được xác lập vào năm 1982 là trước ngày 03/01/1987 nên theo điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001 thì hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà Cao Thị Đ có yêu cầu ly hôn nên Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn tại Điều 85, 87 và 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

Căn cứ cho ly hôn theo khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được quy định như sau: *"...1. Toà án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét*

thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Toà án quyết định cho ly hôn....”

Theo bà Cao Thị Đ mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Ông Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Cao Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn G.

[3.2] Về con chung: Ghi nhận bà Cao Thị Đ và ông Lê Văn G có hai con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 25/3/1987 và Lê Tấn L, sinh ngày 11/4/1984 đã trưởng thành nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Cao Thị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Cao Thị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 85, 87 và khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Cao Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn G.

2. Về con chung: Ghi nhận bà Cao Thị Đ và ông Lê Văn G có hai con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 25/3/1987 và Lê Tấn L, sinh ngày 11/4/1984 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận bà Cao Thị Đ xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống chung thì bà Cao Thị Đ và ông Lê Văn G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Cao Thị Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Trí Nguyên